

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 024.39421030

GCNĐKKD số 0100111948

Cấp thay đổi lần 12 ngày 8/9/2021

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021 và lợi nhuận còn lại lũy kế đến hết năm 2016

Thực hiện tầm nhìn phát triển Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) trở thành Ngân hàng đa năng, hiện đại, hiệu quả hàng đầu tại Việt Nam, nằm Top 20 ngân hàng mạnh nhất Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; là ngân hàng mạnh và uy tín nhất Việt Nam, hàng đầu Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và uy tín cao trên thế giới, tiếp tục nâng cao năng lực tài chính, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh và các mục tiêu chiến lược, Hội đồng quản trị (HĐQT) VietinBank kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021 và lợi nhuận còn lại lũy kế đến hết năm 2016 với nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

- Trong những năm qua, VietinBank luôn tích cực, chủ động trong việc triển khai toàn diện nhiều giải pháp để nâng cao năng lực tài chính, từ việc thực hiện thành công cổ phần hóa doanh nghiệp, thu hút các đối tác chiến lược cùng hợp tác phát triển kinh doanh; đến việc triển khai mạnh mẽ tái cấu trúc hoạt động kinh doanh theo hướng hiệu quả, an toàn, bền vững nhằm tích lũy nguồn lực tài chính để tăng vốn cấp 1; tái cơ cấu danh mục tài sản có theo hướng giảm tỷ trọng các tài sản có hệ số rủi ro cao, phát hành trái phiếu thứ cấp để tăng vốn cấp 2. Để đáp ứng nhu cầu phát triển của VietinBank trong thời gian tới, phát huy vai trò ngân hàng chủ lực, trụ cột của nền kinh tế trong triển khai các chính sách, chủ trương định hướng của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và Chính phủ, một trong các điều kiện tiên quyết là VietinBank cần tiếp tục nâng cao năng lực tài chính, đáp ứng yêu cầu về vốn tự có để đảm bảo tuân thủ các quy định về tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN, phấn đấu mục tiêu tỷ lệ an toàn vốn đạt tối thiểu 10 - 11% năm 2023; đến năm 2025, đạt tối thiểu 11 - 12% theo Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/06/2022 về việc phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” và có mức đệm dự phòng nhằm tuân thủ Thông tư 13/2018/TT-NHNN.
- Vốn điều lệ là một trong những yếu tố quan trọng mà các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xét đến khi thực hiện đánh giá để đưa ra quyết định tăng hoặc giảm thứ hạng tín nhiệm của VietinBank, từ đó ảnh hưởng đến đánh giá của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế về triển vọng chung đối với ngành tài chính ngân hàng Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung.

- Ngoài ra, vốn điều lệ là cơ sở để xác định giới hạn đầu tư tài sản cố định, đầu tư góp vốn, cơ sở xác định giới hạn cấp tín dụng... Do đó, việc tăng vốn điều lệ là điều kiện tiên quyết để đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh thông qua việc tăng giới hạn cấp tín dụng, giới hạn đầu tư..., từ đó tăng cường khả năng cung ứng vốn tín dụng cho nền kinh tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế cũng như đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện các mục tiêu kinh tế vĩ mô như định hướng của Chính phủ và NHNN.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật các TCTD số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP; Nghị định 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 sửa đổi, bổ sung khoản 2 điều 12 Nghị định 91/2015/NĐ-CP, đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 điều 1 Nghị định 32/2018/NĐ-CP; Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2017/NĐ-CP, Nghị định 91/2015/NĐ-CP và Nghị định 32/2018/NĐ-CP;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Thông tư 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Quy chế về người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn Nhà nước tại TCTD, Tổ chức tài chính và Doanh nghiệp do NHNN quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-NHNN ngày 20/09/2021;
- Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết Ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31/03/2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
- Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 109/QĐ-VSD ngày 20/08/2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD);
- Quy chế hoạt động đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-VSD ngày 20/08/2021 của VSD;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank;

- Các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam có liên quan khác.

III. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ BẰNG VIỆC PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC (VIETINBANK ĐANG TRÌNH CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN)

1. Mức tăng vốn điều lệ

- ***Trường hợp chưa hoàn thành tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2020:***
 - Mức vốn điều lệ hiện tại: 48.057.506.090.000 đồng.
 - Số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm bằng việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: 12.329.970.160.000 đồng.
 - Mức vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành thành công toàn bộ số cổ phiếu để trả cổ tức: 60.387.476.250.000 đồng (tăng 25,6567% so với trước khi phát hành).
- ***Trường hợp hoàn thành tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2020:***
 - Mức vốn điều lệ hiện tại: 53.700.178.160.000 đồng.
 - Số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm bằng việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: 12.329.990.500.000 đồng.
 - Mức vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành thành công toàn bộ số cổ phiếu để trả cổ tức: 66.030.168.660.000 đồng (tăng 22,9608% so với trước khi phát hành).

2. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức chi tiết

- ***Loại chứng khoán phát hành:*** Cổ phiếu phổ thông.
- ***Mệnh giá:*** 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng/cổ phiếu).
- ***Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:*** 4.805.750.609 cổ phiếu.
- ***Số lượng cổ phiếu quỹ:*** 0 cổ phiếu.
- ***Số lượng, tổng giá trị, tỷ lệ phát hành:***
 - + ***Trường hợp chưa hoàn thành tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2020:***
 - Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 1.232.997.016 cổ phiếu.
 - Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến: 12.329.970.160.000 đồng
 - Tỷ lệ phát hành dự kiến: 25,6567% số cổ phần lưu hành dự kiến.
 - + ***Trường hợp hoàn thành tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2020:***
 - Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 1.232.999.050 cổ phiếu.
 - Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến: 12.329.990.500.000 đồng
 - Tỷ lệ phát hành dự kiến: 22,9608% số cổ phần lưu hành dự kiến.

(Số lượng cổ phiếu phát hành, tổng giá trị phát hành theo mệnh giá, tỷ lệ phát hành cụ thể thực hiện theo phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền).

- ***Đối tượng phát hành:*** Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của VietinBank tại thời điểm chốt quyền được nhận cổ tức bằng cổ phiếu theo phương án tăng vốn được ĐHĐCĐ thông qua và theo quy định của pháp luật.

- **Nguồn vốn thực hiện:** từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021 và lợi nhuận còn lại lũy kế đến hết năm 2016 (*chi tiết tại mục 2, Phụ lục 1 đính kèm*).
 - **Thời gian phát hành:** ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm phát hành sau khi được sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền về phương án phát hành.
 - **Thời gian hoàn thành:** Thời gian hoàn thành việc tăng Vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại giấy phép/chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.
 - **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:** Số lượng cổ phiếu để trả cổ tức phát hành cho cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ bị hủy bỏ. Ví dụ: cổ đông nắm giữ 100 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ được nhận cổ phiếu để trả cổ tức là 25 cổ phiếu (*Trường hợp chưa hoàn thành tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2020*) hoặc 22 cổ phiếu (*Trường hợp hoàn thành tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2020*).
3. **Đăng ký chứng khoán bổ sung, niêm yết bổ sung và đưa chứng khoán vào giao dịch:** Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký tại VSD và niêm yết bổ sung tại HOSE theo quy định pháp luật hiện hành.

IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN ĐIỀU LỆ TĂNG THÊM VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN

1. Kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm

Vốn điều lệ tăng thêm dự kiến sẽ được dùng toàn bộ để phục vụ kinh doanh, được phân bổ vào các lĩnh vực hoạt động của VietinBank với cơ cấu hợp lý trên nguyên tắc đảm bảo an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

Tiến độ sử dụng vốn điều lệ tăng thêm để phục vụ hoạt động kinh doanh phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn và tình hình thị trường, do HĐQT (hoặc cấp được HĐQT phân cấp, ủy quyền), xem xét, quyết định. Dự kiến sử dụng cho một số lĩnh vực sau:

- Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, phát triển dịch vụ: Đầu tư vào các dự án hiện đại hóa, nâng cao năng lực quản trị ngân hàng; nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, tăng cường phát triển các sản phẩm dịch vụ hiện đại, nâng cao tiện ích cho khách hàng;
- Mở rộng hoạt động tín dụng, hoạt động đầu tư và các hoạt động kinh doanh khác của VietinBank.

2. Hiệu quả sử dụng vốn

- Tăng vốn điều lệ là cơ sở để VietinBank nâng cao năng lực tài chính, vị thế và năng lực cạnh tranh, đảm bảo phù hợp với quy mô hoạt động của ngân hàng. Tăng vốn điều lệ là cơ sở đảm bảo duy trì đáp ứng chuẩn mực an toàn vốn Basel II, tiếp tục phát huy vai trò cung ứng vốn tín dụng cho nền kinh tế và phù hợp với xu hướng phát triển chung của ngành ngân hàng Việt Nam hiện nay, đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược kinh doanh, góp phần hiện thực hóa tầm nhìn trở thành Ngân hàng đa năng, hiện đại, hiệu quả hàng đầu tại Việt Nam, nằm Top 20 ngân hàng mạnh nhất Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; là ngân hàng mạnh và uy tín nhất Việt Nam, hàng đầu Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và uy tín cao trên thế giới, mang lại giá trị ngày càng cao cho phần vốn góp của cổ đông.

- Căn cứ vào kế hoạch tăng vốn và kế hoạch kinh doanh năm 2023, dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của VietinBank như sau:

Chỉ tiêu	Dự kiến năm 2023
Tổng tài sản	Tăng trưởng từ 5% – 10%
Dư nợ tín dụng	Thực hiện theo hạn mức tăng trưởng tín dụng được NHNN phê duyệt và định hướng chính sách điều hành tín dụng của NHNN trong từng thời kỳ
Nguồn vốn huy động	Tăng trưởng phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các chỉ số an toàn thanh khoản
Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng	< 1,8%
Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ	Theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền <i>(VietinBank tiếp tục cải thiện mạnh mẽ hiệu quả kinh doanh, thực hiện tốt vai trò ngân hàng chủ lực, trụ cột và chủ đạo của nền kinh tế).</i>
Cổ tức	Tỷ lệ chi trả cổ tức và cơ cấu chi trả cổ tức <i>(tiền mặt, cổ phiếu)</i> thực hiện theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật.
Các tỷ lệ an toàn hoạt động	Tuân thủ quy định của NHNN

3. Quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư nhận cổ phiếu phát hành thêm

- Các tổ chức, cá nhân nhận cổ phiếu tăng vốn điều lệ của VietinBank chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của NHNN, Điều lệ VietinBank và các quy định tại Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm Tờ trình này.
- Các tổ chức, cá nhân nhận cổ phiếu tăng vốn điều lệ của VietinBank được đối xử bình đẳng và được hưởng mọi quyền lợi của cổ đông VietinBank theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Cơ cấu cổ đông hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ theo Phụ lục 2 đính kèm.

VI. NỘI DUNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VIETINBANK

HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua:

- Thông qua “Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021 và lợi nhuận còn lại lũy kế đến hết năm 2016” VietinBank đang trình Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank phù hợp với mức vốn điều lệ, số lượng cổ phần tăng thêm.
- Thông qua việc đăng ký lưu ký, đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu.

4. Ủy quyền và giao cho HĐQT:

- a) Quyết định, điều chỉnh “Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021 và lợi nhuận còn lại lũy kế đến hết năm 2016” trên cơ sở ý kiến chấp thuận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- b) Thông qua nội dung sửa đổi và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank phù hợp với mức vốn điều lệ, số lượng cổ phần tăng thêm.
- c) Quyết định, thông qua các nội dung cần thiết để triển khai thực hiện thủ tục: tăng vốn điều lệ, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung và các thủ tục khác theo quy định của Pháp luật.
- d) Quyết định các vấn đề khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của VietinBank.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Minh Bình

PHỤ LỤC 1: NGUỒN VỐN THỰC HIỆN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công thức	Số tiền
1	Lợi nhuận riêng lẻ sau thuế năm 2021	(1)	13.622.346
2	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(2)=(1)*5%	681.117
3	Trích quỹ dự phòng tài chính	(3)=(1)*10%	1.362.235
4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4)	1.954.606
5	Điều chỉnh khác (*)	(5)	27.113
6	Lợi nhuận còn lại sau trích các quỹ năm 2021	(6)=(1)-(2)-(3)-(4)-(5)	9.597.275
7	Lợi nhuận còn lại lũy kế đến hết năm 2016	(7)	2.732.717
8	Tổng lợi nhuận còn lại năm 2021 và lũy kế đến hết năm 2016	(8)=(6)+(7)	12.329.992
Trường hợp chưa hoàn thành tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2020			
9	Chia cổ tức bằng cổ phiếu: toàn bộ lợi nhuận còn lại sau thuế, trích quỹ và	(9)= VDL*25,6567%	12.329.970
10	Lợi nhuận còn lại sau thuế, trích quỹ và chia cổ tức (**)	(10) = (8) - (9)	21
Trường hợp hoàn thành tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2020			
11	Chia cổ tức bằng cổ phiếu: toàn bộ lợi nhuận còn lại sau thuế, trích quỹ và	(11)= VDL*22,9608%	12.329.991
12	Lợi nhuận còn lại sau thuế, trích quỹ và chia cổ tức (**)	(12) = (8) - (11)	2

(*) Điều chỉnh kế toán sau thời điểm lập báo cáo tài chính năm

(**) Theo nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức cho cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ bị hủy bỏ.



PHỤ LỤC 2: CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ
(tại ngày chốt danh sách cổ đông 31/3/2023)

I. Trường hợp chưa hoàn thành tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2020:

1. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên

STT	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp/Số Đăng ký sở hữu	Số cổ phần hiện tại	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ trụ sở chính	Họ tên Người đại diện theo pháp luật	Chức danh	Số cổ phần dự kiến phát hành thêm trả cổ tức cổ phiếu	Giá trị cổ phần phát hành thêm dự kiến	Số cổ phần dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ
1	Cổ đông Nhà nước (NHNN Việt Nam)	15/SL	3.097.932.535	64,46%	Số 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội	Nguyễn Thị Hồng	Thống đốc	794.827.256	7.948.272.560.000	3.892.759.791	64,46%
1.1	Ông Trần Minh Bình - Chủ tịch HĐQT VietinBank, đại diện 40% vốn Nhà nước		1.239.173.015	25,78%				317.930.902	3.179.309.020.000	1.557.103.917	25,78%
1.2	Ông Trần Văn Tàn - TV HĐQT VietinBank đại diện 30% vốn Nhà nước		929.379.760	19,34%				238.448.176	2.384.481.760.000	1.167.827.936	19,34%
1.3	Ông Lê Thanh Tùng - TV HĐQT VietinBank đại diện 30% vốn Nhà nước		929.379.760	19,34%				238.448.176	2.384.481.760.000	1.167.827.936	19,34%
2	MUFG Bank, Ltd.	0100-01-008846	948.150.205	19,73%	2-7-1, Marunouchi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	Kenichi Yamato	Giám đốc điều hành cấp cao	345.729.852	3.457.298.520.000	1.693.252.537	19,73%

2. Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên: Không có

3. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài

Đối tượng	Số cổ phần hiện tại	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần dự kiến phát hành thêm trả cổ tức cổ phiếu	Giá trị cổ phần phát hành thêm dự kiến	Số cổ phần dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ
Nhà đầu tư nước ngoài	1.349.279.235	28,08%	346.180.525	3.461.805.250.000	1.695.459.760	28,08%

(*) Cơ cấu cổ đông thực tế sau khi tăng vốn điều lệ căn cứ theo thực tế kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của VietinBank.

II. Trường hợp hoàn thành tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2020:

1. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên

1.1. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên (dự kiến sau khi hoàn thành tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2020)

STT	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp/Số Đăng ký sở hữu	Số cổ phần phân hiện tại	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ trụ sở chính	Họ tên Người đại diện theo pháp luật	Chức danh	Số cổ phần dự kiến phát hành thêm trả cổ tức cổ phiếu	Giá trị cổ phần phát hành thêm dự kiến	Số cổ phần dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ
1	Cổ đông Nhà nước (NHNN Việt Nam)	15/SL	3.097.932.535	64,46%	Số 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội	Nguyễn Thị Hồng	Thống đốc	363.743.748	3.637.437.480.000	3.461.676.283	64,46%
	Được đại diện bởi:										
1.1	Ông Trần Minh Bình - Chủ tịch HĐQT VietinBank, đại diện 40% vốn Nhà nước		1.239.173.015	25,78%				145.497.499	1.454.974.990.000	1.384.670.514	25,78%

STT	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp/Số đăng ký sở hữu	Số cổ phần phần hiện tại	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ trụ sở chính	Họ tên Người đại diện theo pháp luật	Chức danh	Số cổ phần dự kiến phát hành thêm trả cổ tức cổ phiếu	Giá trị cổ phần phát hành thêm dự kiến	Số cổ phần dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ
1.2	Ông Trần Văn Tân - TV HĐQT VietinBank đại diện 30% vốn Nhà nước		929.379.760	19,34%				109.123.124	1.091.231.240.000	1.038.502.884	19,34%
1.3	Ông Lê Thanh Tùng - TV HĐQT VietinBank đại diện 30% vốn Nhà nước		929.379.760	19,34%				109.123.124	1.091.231.240.000	1.038.502.884	19,34%
2	MUFG Bank. Ltd.	0100-01- 008846	948.150.205	19,73%	2-7-1. Marunouchi. Chiyoda-ku. Tokyo.Japan	Kenichi Yamato	Giám đốc điều hành cấp cao	111.327.056	1.113.270.560.000	1.059.477.261	19,73%

1.2. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên (dự kiến sau khi hoàn thành tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021 và lợi nhuận còn lại lũy kế đến năm 2016)

ST T	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp/Số Đăng ký sở hữu	Số cổ phần phần hiện tại	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ trụ sở chính	Họ tên Người đại diện theo pháp luật	Chức danh	Số cổ phần dự kiến phát hành thêm trả cổ tức cổ phiếu	Giá trị cổ phần phát hành thêm dự kiến	Số cổ phần dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ
1	Cổ đông Nhà nước (NHNN Việt Nam)	15/SL	3.461.676.283	64,46%	Số 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội	Nguyễn Thị Hong	Thống đốc	794.828.567	7.948.285.670.000	4.256.504.850	64,46%
	Được đại diện bởi:										
1.1	Ông Trần Minh Bình - Chủ tịch HĐQT VietinBank.		1.384.670.514	25,78%				317.931.427	3.179.314.270.000	1.702.601.941	25,78%

ST T	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp/Số Đăng ký sở hữu	Số cổ phần phân hiện tại	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ trụ sở chính	Họ tên Người đại diện theo pháp luật	Chức danh	Số cổ phần dự kiến phát hành thêm trả cổ tức cổ phiếu	Giá trị cổ phần phát hành thêm dự kiến	Số cổ phần dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ
	đại diện 40% vốn Nhà nước										
1.2	Ông Trần Văn Tân - TV HĐQT VietinBank đại diện 30% vốn Nhà nước		1.038.502.884	19,34%				238.448.570	2.384.485.700.000	1.276.951.454	19,34%
1.3	Ông Lê Thanh Tùng - TV HĐQT VietinBank đại diện 30% vốn Nhà nước		1.038.502.884	19,34%				238.448.570	2.384.485.700.000	1.276.951.454	19,34%
2	MUFG Bank. Ltd.	0100-01-008846	1.059.477.261	19,73%	2-7-1. Marunouchi. Chiyoda-ku. Tokyo. Japan	Kenichi Yamato	Giám đốc điều hành cấp cao	243.264.454	2.432.644.540.000	1.302.741.715	19,73%

2. Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên: Không có

3. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài

3.1. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (dự kiến sau khi hoàn thành tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2020)

Đối tượng	Số cổ phần hiện tại	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần dự kiến phát hành thêm trả cổ tức cổ phiếu	Giá trị cổ phần phát hành thêm dự kiến	Số cổ phần dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ
Nhà đầu tư nước ngoài	1.349.279.235	28,08%	1.584.245.621	1.584.256.210.000	1.507.704.856	28,08%



3.2. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (dự kiến sau khi hoàn thành tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021 và lợi nhuận còn lại lũy kế đến năm 2016)

Đối tượng	Số cổ phần hiện tại	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần dự kiến phát hành thêm trả cổ tức cổ phiếu	Giá trị cổ phần phát hành thêm dự kiến	Số cổ phần dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ
Nhà đầu tư nước ngoài	1.507.704.856	28,08%	346.181.096	3.461.810.960.000	1.853.885.952	28,08%

(*) Cơ cấu cổ đông thực tế sau khi tăng vốn điều lệ căn cứ theo thực tế kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của VietinBank.